

Số: 71 /BC-STNMT

Điện Biên, ngày 13 tháng 4 năm 2018

## BÁO CÁO

### **Kết quả thực hiện giao đất, giao rừng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Thực hiện Văn bản số 547/UBND-KTN ngày 09 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về triển khai Kế hoạch giám sát của HĐND tỉnh về giao đất, giao rừng, cấp giấy CNQSDĐ lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 và triển khai thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện giao đất, giao rừng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, với các nội dung như sau:

#### **I- TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI**

##### **1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện giao đất, giao rừng cấp tỉnh:**

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 23/3/2012 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên về phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2015; Nghị quyết số 273/NQ-HĐND 13 ngày 24/5/2012 của HĐND khóa 13 – Kỳ họp thứ 4 về thông qua Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2015; Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 20/2/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về việc rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp GCNQSD đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 12/3/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về thành lập Ban chỉ đạo về giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ của Ban chỉ đạo.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện rà soát và thực hiện cấp giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh và đặc biệt Sở Tài nguyên và Môi trường luôn chủ động tham mưu cho UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh thường xuyên chỉ đạo triển khai thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; phối hợp chặt chẽ, đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và cử cán bộ tham gia trực tiếp việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất hợp pháp trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Các Văn bản tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 của UBND tỉnh về định mức lập dự toán kinh phí giao đất, giao rừng; Văn bản số 2824/UBND-TN ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đẩy nhanh thực hiện việc cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản

## **2. Tình hình tổ chức triển khai tại cấp huyện**

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo giao đất, giao rừng cấp huyện; thành lập Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo giao đất, giao rừng huyện; chỉ đạo thành lập Hội đồng giao đất, giao rừng cấp xã; kiện toàn tổ chức, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; xây dựng, phê duyệt dự toán kinh phí giao đất, giao rừng; tổ chức đấu thầu để lựa chọn đơn vị tư vấn kết quả 10/10 huyện, thị xã, thành phố đã lựa chọn đơn vị tư vấn để phối hợp triển khai thực hiện giao đất, giao rừng theo kế hoạch 388/KH-UBND ngày 20/2/2013 của UBND tỉnh;

## **II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

Thực hiện Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 20 tháng 2 năm 2013 của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận cho các tổ chức, cộng đồng dân cư và các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích đất lâm nghiệp đã cấp là: **334.295,62ha /358.105,15 ha** đạt **93,35%**, cụ thể như sau:

### **1. Kết quả giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận cho tổ chức:**

Giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận cho các tổ chức (Ban quản lý rừng phòng hộ, quản lý rừng đặc dụng và Công an tỉnh) với tổng diện tích đất là **63.760,41 ha**; trong đó: đất rừng phòng hộ **16.537,16 ha**, đất rừng đặc dụng **46.585,13 ha**, rừng sản xuất **638,12 ha**; cụ thể như sau:

a) Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé (Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé với diện tích **45.581 ha**):

Trên cơ sở Quyết định giao đất số 543/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Điện Biên giao Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé tại địa bàn các xã: Sín Thầu, Chung Chải (nay là Chung Chải và Leng Su Sìn), Mường Nhé, Nậm Kè với diện tích **45.581 ha**. Sở Tài nguyên và Môi trường đã rà soát và cấp GCNQSDĐ toàn bộ diện tích của 25 tiểu khu với 234 khoảnh đất tại địa bàn 05 xã Sín Thầu, Chung Chải, Leng Su Sìn, Mường Nhé, Nậm Kè với diện tích là 46.053,03 ha (tăng 472,03ha). Trong đó:

---

khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 4022/UBND-TN ngày 17/11/2015 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đẩy nhanh thực hiện việc giao đất, giao rừng và cấp GCN đất lâm nghiệp theo KH 388/KH-UBND ngày 20/02/2013 của UBND tỉnh; Hướng dẫn liên ngành Sở Tài nguyên và Môi trường, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 559/HD-STNMT-SNNPTNN ngày 26/9/2013 nội dung, trình tự và phương pháp thực hiện rà soát hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng cấp GCNQSDĐ đất lâm nghiệp; Văn bản số 106/STNMT-QLĐĐ ngày 28/02/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn một số nội dung lập dự toán kinh phí giao rừng, cho thuê rừng, cấp GCNQSD đất lâm nghiệp; Kế hoạch Liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành kế hoạch số 394/KH-SNNPTNT-STNMT ngày 25/3/2014 về việc kiểm tra thực hiện giao đất, giao rừng theo kế hoạch 388/KH-UBND ngày 20/2/2013 của UBND tỉnh Điện Biên; Văn bản số 3634/NN-UBND Ngày 29/9/2014; Văn bản số 3196/NN-UBND ngày 29/8/2014 về việc tổ chức rà soát giao đất lâm nghiệp cho 03 Ban Quản lý rừng phòng hộ Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Chà; Sở Tài nguyên và Môi trường đã thành lập tổ công tác liên ngành rà soát, xây dựng phương án, tổ chức giao đất, giao rừng tại địa bàn các xã Na Tông, Mường Nhà, Phú Luông, thuộc quy hoạch rừng đặc dụng tại Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của UBND tỉnh cho ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên tại Quyết định số 137/QĐ-STNMT ngày 18/9/2014;

+ Diện tích cấp GCNQSDĐ là **44.309,89** ha.

+ Diện tích chưa cấp Giấy chứng nhận gồm diện tích nằm trong vành đai biên giới là 822,24 ha (theo văn bản số 1824/BCH-TM ngày 24/10/2014 của Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh) và diện tích 920,9 ha của các hộ gia đình cá nhân của các bản Huổi Đá và bản Ngã Ba thuộc xã Nậm Kè đang cư trú.

b) Khu rừng đặc dụng xã Mường Phăng, Pá Khoang, huyện Điện Biên (Ban quản lý rừng di tích lịch sử và cảnh quan, môi trường Mường Phăng với diện tích **1.004,13 ha**).

Rà soát và tham mưu trình UBND tỉnh giao đất, giao rừng đặc dụng cho Ban quản lý rừng di tích lịch sử và cảnh quan, môi trường Mường Phăng với diện tích **1.004,13 ha** tại Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc giao đất, giao rừng cho Ban quản lý rừng di tích lịch sử và cảnh quan, môi trường Mường Phăng tại địa bàn các xã: Mường Phăng, Pá Khoang, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (giai đoạn 1).

c) Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên với diện tích 1.301,07 ha:

- Thực hiện rà soát diện tích đất quy hoạch rừng đặc dụng theo Quyết định 714/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về chuyển đổi 03 loại rừng và lập hồ sơ giao đất, giao rừng và cấp GCNQSDĐ cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên đối với phần diện tích đất có rừng với tổng diện tích là: 3.660,38 ha. Trong đó:

+ Xã Phu Luông: diện tích đất có rừng là 298,93 ha/1.147,8 ha quy hoạch;

+ Xã Mường Nhà: diện tích đất có rừng là 2.227,57 ha/4.322,1 ha quy hoạch;

+ Xã Na Tông: diện tích đất có rừng là 1.083,88 ha/1.953,7 ha quy hoạch.

Trên cơ sở kết quả xác định diện tích, ranh giới các lô, khoảnh, tiểu khu đất có rừng và chưa có rừng nêu trên ngoài thực địa Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị UBND tỉnh chuyển đổi lại từ đất rừng đặc dụng thành đất rừng phòng hộ để giao cho BQL rừng phòng hộ theo quy định trước ngày 31/12/2015; việc giao đất cho BQL rừng phòng hộ huyện Điện Biên phù hợp với Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 7/6/2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên đến 2020 và Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên với diện tích **1301,07 ha** tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao đất, giao rừng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn các xã: Pu Luông, Na Tông và Mường Nhà, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (đợt 1).

d) Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà với diện tích **5470,1 ha**:

Tham mưu trình UBND tỉnh giao đất và công nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Chà với diện tích **5.470,1 ha** tại Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh về việc giao đất và công nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Chà để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn xã Huổi Lèng và xã Mường Tùng, huyện Mường Chà.

e) Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo với diện tích **10.399,73ha**:

Tham mưu trình UBND tỉnh giao đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Tuần Giáo để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại các xã: Ta Ma, Phình Sáng và Mường Khong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (đợt 1), với diện tích **10.399,73ha** tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016.

Đợt 2, đã trình UBND tỉnh giao đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tuần Giáo Sở Tài nguyên và Môi trường đã tại Tờ trình số 08/TTr-STNMT ngày 16/01/2018 với diện tích 925,2ha đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

f) Công an tỉnh Điện Biên với diện tích **4,38ha**:

Tham mưu trình UBND tỉnh giao đất cho Công an tỉnh với diện tích **4,38ha** đất rừng sản xuất tại Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Công an tỉnh để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên

*(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)*

## **2. Kết quả giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân:**

Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tiến hành rà soát diện tích đất đã giao theo Nghị định 163/NĐ-CP đạt 100%; rà soát xác định diện tích, ranh giới, trữ lượng rừng làm cơ sở thực hiện việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt phương án giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (bản) trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; thực hiện giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân theo Kế hoạch 388/KH-UBND của UBND tỉnh Điện Biên trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố cho **4.246** cộng đồng, hộ gia đình với diện tích **270.535,21 ha/271237,67 ha** đạt 99,7% và cấp giấy chứng nhận cho **3.908** cộng đồng, hộ gia đình với **5.609** giấy chứng nhận, tổng diện tích **269.202,9 ha**; Kết quả cụ thể từng huyện như sau:

- Huyện Điện Biên: 1.337 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 52.967,00 ha;
- Huyện Điện Biên Đông: 515 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 20.033,98ha;
- Huyện Mường Chà: 122 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 35.934,98 ha;
- Thị xã Mường Lay: 33 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 55.26,99 ha;
- Huyện Mường Ảng: 221 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 10.162,16ha;
- Huyện Mường Nhé: 87 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 36.024,26ha;
- Huyện Tuần Giáo: 962 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 36.037,75ha;
- Huyện Nậm Pồ: 125 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 51.354,07ha;
- TP Điện Biên Phủ: 484 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 1.336,94 ha;
- Huyện Tủa Chùa: 360 cộng đồng, hộ GD với diện tích: 21157,08 ha;

*(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)*

### III- KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo Kế hoạch số 388/KH-UBND là: **46.675 triệu đồng**; trong đó năm 2013 là 9.000 triệu đồng; năm 2014 là 22.943 triệu đồng; năm 2015 là 4.700 triệu đồng; năm 2016 là 10.032 triệu đồng, cụ thể:

STT	Đơn vị hành chính	Kinh phí phân bổ, tạm ứng, bổ sung (triệu đồng)				
		Tổng cộng	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Thành phố Điện Biên Phủ	500	500			
2	Thị xã Mường Lay	1.028	500	443		85
3	Huyện Điện Biên	9.149	1.000	4.800		3.349
4	Huyện Điện Biên Đông	4.000	1.000	3.000		
5	Huyện Mường Chà	6.311	1.000	2.000	2.000	1.311
6	Huyện Nậm Pồ	8.149	1.000	3.700		3.449
7	Huyện Mường Nhé	4.700	1.000	3.000	700	
8	Huyện Mường Ảng	1.791	1.000	500		291
9	Huyện Tuần Giáo	6.895	1.000	3.500	1.000	1.395
10	Huyện Tủa Chùa	4.152	1.000	2.000	1.000	152
	<b>Tổng cộng</b>	<b>46.675</b>	<b>9.000</b>	<b>22.943</b>	<b>4.700</b>	<b>10.032</b>

### IV- ĐÁNH GIÁ

#### 1. Kết quả đạt được

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và được người dân đồng tình ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân quản lý, bảo vệ rừng.

- Chủ trương, chính sách thực hiện việc giao đất gắn liền với giao rừng hoàn toàn đúng đắn, góp phần bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có và đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi trọc, nâng cao dần độ che phủ của rừng.

- Cơ bản đã hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận cho các tổ chức và cộng đồng dân cư, hộ gia đình cá nhân; trong đó đất có rừng cấp cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình cá nhân đạt 99,7%.

- Quá trình giao đất, giao rừng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, tạo nên được nhiều hình thức tuyên truyền

đa dạng, phong phú và có hiệu quả. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương và nâng cao ý thức hiểu biết của người dân.

- Sau khi được giao rừng, cộng đồng dân cư và hộ gia đình, cá nhân đã tổ chức thành lập Ban quản lý rừng cộng đồng và tổ tuần tra bảo vệ rừng. Đa số các cộng đồng dân cư và hộ gia đình sau khi giao, sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới và theo quy chế quản lý rừng

- Chính sách giao rừng cùng với việc thực hiện Dịch vụ môi trường rừng cho hộ gia đình sống gần rừng được hưởng lợi từ đó đã gắn quyền lợi với trách nhiệm, khuyến khích được người dân, cộng đồng nhận quản lý bảo vệ rừng.

- Việc cấp giấy chứng nhận công nhận quyền hợp pháp và lâu dài đối với việc quản lý, sử dụng rừng thông qua chính sách giao đất, giao rừng đã tạo tâm lý ổn định cho cộng đồng dân cư và hộ gia đình, tạo động lực cho các cộng đồng dân cư và hộ gia đình huy động nguồn lực vào bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích quản lý, bảo vệ.

## **2. Những khó khăn, vướng mắc**

- Công tác tuyên truyền việc thực hiện giao đất, giao rừng ở một số nơi còn hạn chế. Công tác quản lý bảo vệ rừng của một số cộng đồng dân cư và hộ gia đình chưa thực sự vào cuộc, chưa nghĩ đến việc sống bằng nghề rừng; công tác quản lý bảo vệ rừng của một số chủ rừng còn mang tính hình thức, nên vẫn còn tình trạng phá rừng, khai thác gỗ trái phép, cháy rừng nhỏ lẻ ở một số thôn, bản.

- Tại một số nơi diện tích rừng đã giao vẫn bị chặt phá chủ yếu do các nguyên nhân: Tập tục canh tác, truyền thống nương luân canh, tình trạng dân di cư tự do nhiều diễn biến phức tạp nhu cầu sử dụng đất để làm nương tăng đột biến, tình trạng tranh chấp đất đai, năng lực quản lý rừng của một số cộng đồng và hộ gia đình còn yếu

- Quá trình thực hiện giao đất, giao rừng chưa chặt chẽ ở một số nơi đã làm phát sinh mâu thuẫn về đất đai giữa các cộng đồng giáp ranh, một số cộng đồng đã kiến nghị chia lại rừng do số tiền nhận từ chi trả dịch vụ môi trường rừng có sự chênh lệch lớn. Một số nơi đất nông nghiệp xen kẽ với đất lâm nghiệp rất khó khăn trong công tác quản lý về phòng cháy, chữa cháy; trong quá trình rà soát để giao rừng thì một số chủ rừng đề nghị giao để tiện quản lý, bảo vệ; một số hộ lại đề nghị để lại để sản xuất nông nghiệp luân canh.

- Công tác giao đất, giao rừng chỉ triển khai thực hiện được ở diện tích đất lâm nghiệp có rừng, còn diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng chưa giao được do chưa có nguồn kinh phí.

- Trong công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, giao và cấp giấy chứng nhận cần đòi hỏi thời gian dài, kinh phí lớn; địa hình phức tạp, triển khai thực hiện phải thuê các đơn vị tư vấn; trình độ dân trí hạn chế; sự tham gia của người dân chưa mặn mà;

- Điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tính chưa được phê duyệt, do đó đối với đất lâm nghiệp chưa có rừng theo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng là đất lâm nghiệp, tuy nhiên hiện trạng đều là đất nương rẫy luân canh do các hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Việc xác định diện tích, vị trí của loại đất này để thực hiện rà soát,

hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, cấp giấy chứng nhận khó thực hiện vì không xác định được cụ thể ranh giới, diện tích trước đã giao và sau khi rà soát.

### **3. Nguyên nhân**

- Công tác phối hợp, triển khai thực hiện đôi khi còn chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ, một số địa phương phân công nhiệm vụ giao đất, giao rừng còn chồng chéo, chưa có tính thống nhất dẫn đến tiến độ thực hiện chậm.

- Nguồn nhân lực để thực hiện việc giao đất, giao rừng còn thiếu đặc biệt là số cán bộ có năng lực để thực hiện việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát dẫn đến một số sai sót trong quá trình thực hiện.

- Một số cộng đồng và hộ gia đình hiểu rõ về quyền và trách nhiệm khi được giao đất, giao rừng và nguồn lợi đáng kể từ rừng đem lại nên đã nảy sinh mâu thuẫn với nhau gây khó khăn trong công tác giao đất, giao rừng.

- Do nhận thức của người dân, phong tục làm nương luân canh, phát rừng làm nương và hiệu quả kinh tế từ rừng thấp; đời sống khó khăn do vậy chỉ tận thu, khai thác từ rừng, việc chăm sóc, bảo vệ rừng kém hiệu quả.

- Mặc dù đã được cấp có thẩm quyền bàn giao mốc giới ngoài thực địa nhưng hầu hết các cộng đồng, hộ gia đình được giao rừng không có kinh phí thực hiện việc cắm mốc kiên cố ngoài thực địa, chỉ phân chia ranh giới thông qua việc cắm mốc bằng cọc tre hoặc sơn vào gốc cây để nhận biết.

- Kinh phí đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng thấp chưa đảm bảo mức sống cho người dân bỏ hẳn làm nương rẫy, chuyển sang trồng, bảo vệ và chăm sóc rừng.

- Một số chủ sử dụng rừng là cộng đồng dân cư do thay đổi trường thôn, bản không bàn giao cụ thể về mốc giới đối với diện tích rừng đã được giao nên một số trường thôn, bản mới còn lúng túng, nhầm lẫn trong việc xác định được hết các mốc giới đối với diện tích đã được giao.

### **V- KẾT QUẢ RÀ SOÁT DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP CHƯA CÓ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.**

Trên cơ sở rà soát, tổng hợp theo Báo cáo số 1887/BC-SNN ngày 12/9/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả về giao đất, giao rừng theo Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 20/2/2013 của UBND tỉnh và kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng trên địa bàn tỉnh là: **445.896,52ha**; trong đó:

- Đất rừng đặc dụng: **40.752,79 ha**

- Đất rừng phòng hộ: **215.996,81ha**

- Đất rừng sản xuất: **189.146,92ha**

*(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)*

### **VI- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để đảm bảo việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp chưa có rừng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, đề nghị UBND tỉnh một số nội dung sau:

1. Sớm phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để làm cơ sở xác định diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng trên địa bàn tỉnh để thực hiện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp chưa có rừng.

2. Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về giao đất, giao rừng để nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng dân cư; vận động nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

3. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ số liệu đo đạc thiết kế trồng rừng theo lô, khoảnh để xác định ranh giới các chủ sử dụng đất ngoài thực địa làm cơ sở thực hiện giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư khoảnh nuôi, bảo vệ phát triển rừng theo quy định.

Trên đây là Báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả rà soát, giao đất, giao rừng theo Kế hoạch số 388/KH-UBND của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo sở;
- Chi cục QLDD;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngôn Ngọc Khuê**



**BIỂU 01: TỔNG ĐẤT, RỪNG ĐÃ GIAO CHO TỔ CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Báo cáo số 74.../BC-STNMT ngày 22/4/2018 của Sở TN&MT)

Đơn vị tính: ha

ST T	Đơn vị hành chính cấp huyện	Loại đất rừng	Diện tích	Đơn vị quản lý, sử dụng		
				Ban Quản lý rừng phòng hộ	Ban quản lý rừng đặc dụng	Công an tỉnh
1	Huyện Điện Biên	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>2.305,20</b>	<b>1.301,07</b>	<b>1.004,13</b>	
		+ Đất rừng phòng hộ	1.301,07	1.301,07		
		+ Đất rừng đặc dụng	1.004,13		1.004,13	
2	Huyện Mường Chà	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>5.470,10</b>	<b>5.470,10</b>		
		+ Đất rừng phòng hộ	5.016,36	5.016,36		
		+ Đất rừng sản xuất	453,74	453,74		
3	Huyện Mường Nhé	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>45.581,00</b>		<b>45.581,00</b>	
		+ Đất rừng đặc dụng	45.581,00		45.581,00	
4	Huyện Tuần Giáo	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>10.399,73</b>	<b>10.399,73</b>		
		+ Đất rừng phòng hộ	10.219,73	10.219,73		
		+ Đất rừng sản xuất	180,00	180,00		
5	Huyện Nậm Pồ	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>4,38</b>			<b>4,38</b>
		+ Rừng sản xuất	4,38			4,38
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>63.760,41</b>	<b>17.170,90</b>	<b>46.585,13</b>	<b>4,38</b>
		+ Đất rừng phòng hộ	16.537,16	16.537,16		
		+ Đất rừng đặc dụng	46.585,13		46.585,13	
		+ Đất rừng sản xuất	638,12	633,74		4,38

**BIỂU 02: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP CHO CỘNG ĐỒNG, HỘ GIA ĐÌNH THEO KẾ HOẠCH 388/KH-UBND CỦA UBND TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Báo cáo số 71.../BC-STNMT ngày 13.../4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: ha

STT	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích đất đã rà soát	Diện tích đã có Quyết định giao đất						Diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận								
			Tổng cộng		Cộng đồng dân cư		Hộ gia đình, cá nhân		Tổng cộng			Cộng đồng dân cư			Hộ gia đình, cá nhân		
			Số CĐ, hộ	Diện tích	Số CĐ	Diện tích	Số hộ	Diện tích	Số CĐ, hộ	Diện tích	Số giấy	Số CĐ	Diện tích	Số giấy	Số hộ	Diện tích	Số giấy
1	Huyện Điện Biên	52.967,00	1.337	52.967,00	251	49.245,57	1.086	3.721,43	1.001	51.654,53	1.526	240	48.720,71	765	761	2.933,82	761
2	Huyện Điện Biên Đông	20.509,79	515	20.033,98	159	19.454,07	356	579,91	515	20.033,98	560	159	19.454,07	203	356	579,91	357
3	Huyện Mường Chà	35.977,89	122	35.934,98	110	35.874,88	12	60,10	122	35.934,98	869	110	35.874,88	855	12	60,10	14
4	Thị xã Mường Lay	5.526,99	33	5.526,99	33	5.526,99			33	5.526,99	40	33	5.526,99	40			
5	Huyện Mường Ảng	10.336,65	221	10.162,16	111	9.810,24	110	351,92	218	10.142,32	259	111	9.803,51	152	107	338,81	107
6	Huyện Mường Nhé	36.024,26	87	36.024,26	77	35.799,92	10	224,34	87	36.024,26	196	77	35.799,92	186	10	224,34	10
7	Huyện Tuần Giáo	36.037,75	962	36.037,75	166	34.038,00	796	1.999,75	963	36.037,75	1.058	166	34.038,00	262	797	1.999,75	796
8	Huyện Nậm Pồ	51.354,07	125	51.354,07	99	51.209,76	26	144,31	125	51.354,07	181	99	51.209,76	155	26	144,31	26
9	TP. Điện Biên Phủ	1.336,94	484	1.336,94	9	491,76	475	845,18	484	1.336,94	484	9	491,76	9	475	845,18	475
10	Huyện Tủa Chùa	21.166,33	360	21.157,08	120	20.798,26	240	358,81	360	21.157,08	436	120	20.798,26	196	240	358,81	240
	<b>Tổng</b>	<b>271.237,67</b>	<b>4.246</b>	<b>270.535,21</b>	<b>1.135</b>	<b>262.249,45</b>	<b>3.111</b>	<b>8.285,76</b>	<b>3.908</b>	<b>269.202,90</b>	<b>5.609</b>	<b>1.124</b>	<b>261.717,86</b>	<b>2.823</b>	<b>2.784</b>	<b>7.485,04</b>	<b>2.786</b>

Ghi chú: Số liệu theo Báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố

**BIỂU 03: TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP CHƯA CÓ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Báo cáo số 71./BC-STNMT ngày 13./14/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

*Đơn vị tính: ha*

Stt	Hiện trạng sử dụng đất	Tổng cộng	Phân theo đơn vị hành chính									
			Điện Biên Đông	TP Điện Biên Phủ	Điện Biên	Mường Ảng	TX. Mường Lay	Tuần Giáo	Tủa Chùa	Mường Nhé	Mường Chà	Nậm Pồ
<b>I</b>	<b>Đất rừng đặc dụng</b>	<b>40.752,79</b>		<b>35,51</b>	<b>4.651,27</b>	<b>3.354,76</b>		<b>9.802,53</b>		<b>13.234,35</b>	<b>6.420,61</b>	<b>3.253,76</b>
1	IA	18.949,71		3,15	1.061,80	1.577,26		3.658,25		10.461,11	1.670,24	517,90
2	IB											
3	IC	12.853,24		1,24	1.429,17	126,76		3.917,00		1.961,54	3.644,88	1.772,65
4	Mới trồng (chưa thành rừng)	1,12		-	1,12	-		-		-	-	-
5	Nương rẫy	8.281,14		1,23	2.128,15	1.645,49		2.012,17		494,36	1.054,49	945,25
6	Núi đá	346,28		-	-	-		196,43		135,48	14,37	-
7	Đất khác	321,30		29,89	31,03	5,25		18,68		181,86	36,63	17,96
<b>II</b>	<b>Đất rừng phòng hộ</b>	<b>215.996,81</b>	<b>53.413,74</b>	<b>1.108,50</b>	<b>34.724,39</b>	<b>7.392,32</b>	<b>1.379,90</b>	<b>22.461,55</b>	<b>17.148,46</b>	<b>30.878,18</b>	<b>20.429,07</b>	<b>27.060,85</b>
1	IA	55.807,79	12.322,83	136,90	9.131,38	1.823,26	280,30	7.232,92	5.420,71	10.375,60	5.648,50	3.435,40
3	IB											
6	IC	61.050,49	4.830,84	84,60	12.404,11	628,91	615,40	5.628,86	4.267,94	10.467,90	10.466,10	11.655,84
8	Mới trồng (chưa thành rừng)	424,06	-	7,40	56,43	144,59	-	134,40	0,41	-	76,20	4,63
9	Nương rẫy	94.285,09	35.611,76	850,80	12.875,54	4.451,42	467,70	8.626,22	5.983,17	9.654,20	4.115,20	11.649,09
10	Núi đá	2.825,71	102,02	-	100,35	283,91	3,30	770,64	1.326,38	-	38,70	200,41
11	Đất khác	1.603,83	546,29	28,80	156,58	60,23	13,20	68,51	149,85	380,50	84,40	115,48
<b>III</b>	<b>Đất rừng sản xuất</b>	<b>189.146,92</b>	<b>12.058,17</b>	<b>550,95</b>	<b>19.112,28</b>	<b>9.269,05</b>	<b>1.237,50</b>	<b>23.025,36</b>	<b>17.176,38</b>	<b>33.417,15</b>	<b>35.321,67</b>	<b>37.978,68</b>
1	IA	37.120,23	1.737,87	28,45	3.695,46	2.610,23	149,10	7.366,62	4.781,91	6.489,77	6.096,29	4.164,53

2	IB											
3	IC	52.352,98	1.122,29	24,64	4.086,48	470,71	237,30	4.197,14	3.021,68	8.952,94	15.229,00	15.010,80
4	Mới trồng (chưa thành rừng)	626,85	-	11,91	156,17	132,65	-	174,58	14,50	66,90	53,73	16,41
5	Nương rẫy	94.601,00	8.966,76	379,41	10.887,67	5.912,05	652,20	10.591,08	8.368,05	17.216,72	13.198,25	18.428,81
6	Núi đá	1.487,36	8,10	-	1,42	46,44	-	371,15	669,68	6,51	263,65	120,41
7	Đất khác	2.958,77	223,15	106,54	285,08	96,97	198,90	324,79	320,56	684,31	480,75	237,72
	<b>Tổng cộng</b>	<b>445.896,52</b>	<b>65.471,91</b>	<b>1.694,96</b>	<b>58.487,94</b>	<b>20.016,13</b>	<b>2.617,40</b>	<b>55.289,44</b>	<b>34.324,84</b>	<b>77.529,68</b>	<b>62.171,35</b>	<b>68.293,29</b>

*Ghi chú: Số liệu theo Báo cáo số 1887/BC-SNN ngày 12/9/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo kết quả về giao đất, giao rừng theo Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 20/2/2013 của UBND tỉnh và kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*